

Số: /BC-BNN-TCTS

Hà Nội, ngày tháng năm

## **BÁO CÁO**

**Đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản).**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

### **I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP**

#### **1. Bối cảnh xây dựng chính sách**

Sau 07 năm triển khai thực hiện, Nghị định số 67/2014/NĐ-CP và các chính sách phát triển thủy sản đã đi vào cuộc sống, đáp ứng nguyện vọng của đông đảo ngư dân; mục tiêu hiện đại hóa tàu cá bước đầu đã đạt được, số lượng tàu khai thác gần bờ giảm (13,2%), số lượng tàu cá khai thác xa bờ tăng (20,1%); tai nạn tàu cá giảm đáng kể; góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia trên biển phù hợp với luật pháp quốc tế, đóng góp tích cực cho duy trì môi trường hòa bình và ổn định trên biển để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Việc thực hiện Nghị định 67/2014/NĐ-CP có tác động rất lớn đến sự phát triển của ngành. Năm 2021, tổng sản lượng đạt 8,73 triệu tấn (trong đó, sản lượng khai thác đạt 3,92 triệu tấn, nuôi trồng đạt 4,8 triệu tấn), tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,5%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 8,89 tỷ USD, thị trường xuất khẩu mở rộng tới hơn 164 quốc gia và vùng lãnh thổ. Bình quân ngành thủy sản hàng năm đã tạo thêm việc làm cho khoảng 150.000 lao động.

Phát triển thủy sản còn góp phần quan trọng trong bảo đảm an ninh quốc phòng. Ngư dân hoạt động trên biển chính là những "công dân biển", khẳng định chủ quyền biển, đảo phù hợp với luật pháp quốc tế, góp phần ngăn chặn và hạn chế tàu thuyền nước ngoài xâm phạm vùng biển Việt Nam.

Việc thực hiện chính sách phát triển thủy sản một cách hiệu quả sẽ giúp ngư dân tự tin vươn khơi bám biển, góp phần tích cực vào công cuộc đấu tranh, bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện Nghị định nói riêng và phát triển thủy sản nói chung vẫn gặp nhiều vấn đề như: cơ sở hạ tầng thủy sản xuống cấp, quá

tài, thiếu cơ sở hạ tầng hiện đại; một số trường hợp chất lượng tàu cá vỏ thép chưa tốt, nhận thức của ngư dân về sử dụng, duy tu, bảo dưỡng tàu cá vỏ thép còn hạn chế, lạc hậu; số lượng và chất lượng thuyền viên chưa đáp ứng yêu cầu; tỷ lệ nợ quá hạn và nợ xấu ở mức cao (nợ quá hạn là 537,8 tỷ chiếm 4,67% tổng vốn vay, nợ xấu 3.430 chiếm tỷ lệ 33% tổng vốn vay). Các vấn đề, bất cập trên xuất phát từ: (1) Việc bố trí nguồn ngân sách đầu tư cơ sở hạ tầng nghề cá thiếu, không đồng bộ; (2) Công tác phê duyệt danh sách chủ tàu đủ điều kiện vay vốn còn chưa chặt chẽ, vẫn để lọt nhiều chủ tàu không đủ điều kiện nhưng vẫn được vay đóng tàu; (3) Công tác thẩm định, phê duyệt phương án sản xuất kinh doanh cần được nâng cao, nhất là việc đánh giá các yếu tố tác động đến hiệu quả sản xuất, kinh doanh; (4) Một số ngư dân cho đây là tiền hỗ trợ của Nhà nước nên có tư tưởng lợi dụng, chây ì, không trả nợ hoặc kéo dài thời gian trả nợ; (5) Ngư dân thiếu hiểu biết về tàu vỏ thép, thiếu kỹ năng khai thác vận hành trang thiết bị hiện đại...; (6) Nuôi trồng thủy sản biển tuy đã phát triển rộng rãi trên nhiều vùng của đất nước nhưng nghề nuôi biển Việt Nam mới ở trình độ thấp, tập trung chủ yếu ở khu vực ven bờ và đã bộc lộ một số bất cập như: Còn manh mún, nhỏ lẻ; cơ sở hạ tầng thiếu và yếu; việc cung cấp con giống, thức ăn, công nghệ nuôi nhiều hạn chế; chưa hình thành được các chuỗi giá trị, chưa có thị trường ổn định; phải đối mặt với không ít những rủi ro về thiên tai, môi trường và dịch bệnh; nuôi biển ven bờ còn chồng lấn với các ngành khác như giao thông, du lịch,... dẫn đến phát triển chưa bền vững; (7) Chính sách hỗ trợ đầu tư được phê duyệt sẽ tạo điều kiện tốt cho Ban quản lý khu bảo tồn biển thực hiện đầy đủ trách nhiệm được giao tại Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; nâng cao hiệu quả quản lý đa dạng sinh học biển, góp phần bảo vệ, phục hồi, tái tạo nguồn lợi thủy sản biển. (8) Chính sách của Nhà nước trong hoạt động thủy sản tại Điều 6, Luật Thủy sản năm 2017 chưa được quy định.

Nhằm định hướng đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về biển, ngày 22/10/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong đó nhấn mạnh chủ trương “*Nuôi trồng và khai thác hải sản: Chuyển từ nuôi trồng, khai thác hải sản theo phương thức truyền thống sang công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao. Thúc đẩy các hoạt động nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản, nghiêm cấm các hoạt động khai thác mang tính tận diệt. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến trong nuôi trồng, khai thác, bảo quản, chế biến hải sản, tạo ra các sản phẩm chủ lực, có chất lượng, giá trị kinh tế cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường*”.

Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban hành Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Để thực hiện các chủ trương, chính sách, chiến lược về phát triển thủy sản; đồng thời góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của tổ quốc góp phần bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của quốc gia trên biển phù hợp với luật pháp quốc tế, đóng góp tích cực cho duy trì môi trường hòa bình và ổn định trên biển để phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, rất cần có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ hơn để ngư dân yên tâm bám biển sản xuất, tạo động lực mạnh mẽ, huy động các nguồn lực xã hội tham gia phát triển thủy sản, việc xây dựng và thực hiện **“Nghị định về chính sách phát triển thủy sản”** thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ là cần thiết.

## **2. Mục tiêu xây dựng chính sách**

### **a) Mục tiêu tổng thể:**

Xây dựng Nghị định về chính sách phát triển thủy sản nhằm hoàn thiện chính sách được giao tại Điều 6 Luật Thủy sản 2017, tạo động lực cho phát triển thủy sản theo Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, Quyết định số 339/QĐ-TTg ngày 11/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và Quyết định số 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển nuôi trồng thủy sản trên biển đến năm 2030, tầm nhìn 2045 nhằm thúc đẩy phát triển thủy sản xứng với tiềm năng, lợi thế của Việt Nam và phát triển bền vững.

Việc xây dựng Nghị định này nhằm điều chỉnh những nội dung bất cập, bảo đảm tính khả thi, phù hợp với hệ thống pháp luật khác và tiếp tục thực hiện cắt giảm, đơn giản hóa theo tinh thần cải cách hành chính.

### **b) Mục tiêu cụ thể:**

- Bổ sung 11 nội dung liên quan đến (1) *Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (2) Đầu tư Hệ thống quan trắc cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản; (3) Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với nuôi biển; (4) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá (5) Cơ chế chuyển nhượng tàu cá; (6) Chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn; (7) Chính sách hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép (8) Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản; (9) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; (10) Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển; (11) Lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách.*

- Sửa đổi, bổ sung 04 nội dung liên quan đến (1) *Làm rõ, chi tiết các hạng mục thiết yếu cụ thể trong đầu tư; (2) Bổ sung đối tượng là lao động, tài sản của*

*cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển sản xuất, ương dưỡng giống cá biển và, thủy sản nuôi trồng thủy sản trên biển vào chính sách hỗ trợ bảo hiểm, đào tạo; (3) Làm rõ việc xử lý đối với các khoản cho vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng và chuyển đổi chủ tàu để cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá; (4) Đưa trình tự, thủ tục vào Nghị định; (5) Làm rõ đối tượng, cơ chế trong chuyển nhượng tàu cá được đóng mới, nâng cấp theo Nghị định 67; (6) Chuyển từ hỗ trợ theo thực tế sang hỗ trợ một lần đối với chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép; (7) Bổ sung 06 phụ lục các mẫu Đơn, Danh sách lao động, Bảng kê, Cam kết.*

- Đưa ra khỏi Nghị định 01 nội dung về Hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với đóng tàu.

## **II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH**

### **1. Các quy định tại phần giải thích từ ngữ**

a) Xác định vấn đề bất cập: Một số từ, cụm từ trong Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 chưa được quy định trong phần giải thích thuật ngữ nên thực tế dẫn đến có một số cách hiểu khác nhau.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Cần thống nhất cách hiểu một số từ, cụm từ trong Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung một số từ, cụm từ trong Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Tạo khung khổ pháp lý cho quá trình thực hiện, bảo đảm cách hiểu thống nhất đối với các từ, cụm từ trong văn bản nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất trong toàn quốc đối với nội dung văn bản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung Điều 3. Giải thích từ ngữ vào dự thảo Nghị định này để trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014).

### **2. Quy định về nguyên tắc thực hiện**

a) Xác định vấn đề bất cập: Chưa có nội dung đầy đủ về nguyên tắc thực hiện các chính sách của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 dẫn đến thực tiễn triển khai không thống nhất.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Cần thống nhất cách thực hiện các chính sách theo nguyên tắc chung của Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung Điều 4. Nguyên tắc thực hiện trong Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Tạo khung khổ pháp lý cho quá trình thực hiện, bảo đảm cách hiểu thống nhất trong quá trình thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung Điều 4. Nguyên tắc thực hiện vào dự thảo Nghị định này để trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).

### **3. Chính sách: Đầu tư**

a) Xác định vấn đề bất cập:

- Giai đoạn 2021-2030, hệ thống các quy hoạch ngành quốc gia (Quy hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản; Quy hoạch hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão) và các chương trình phát triển thủy sản (Chương trình quốc gia Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2030; Chương trình Quốc gia Phát triển nuôi trồng thủy sản giai đoạn 2021-2030; Chương trình Quốc gia phát triển khai thác thủy sản hiệu quả, bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng 2030) được xây dựng, theo dõi có những đối tượng, phạm vi thay đổi, cần được bổ sung các chính sách về đầu tư phù hợp: Cảng cá loại III, các khu bảo tồn...

Hệ thống khu bảo tồn biển Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 742/QĐ-TTg ngày 26/5/2010. Đến nay, đã có 12 khu bảo tồn biển được thành lập và đi vào hoạt động. Việc thành lập và đưa vào hoạt động các khu bảo tồn biển đã góp phần mục tiêu bảo vệ các hệ sinh thái biển, các loài thủy sinh vật biển có giá trị kinh tế, khoa học; góp phần phát triển bền vững kinh tế biển, cải thiện sinh kế của cộng đồng ngư dân các địa phương ven biển. Từ trước đến nay, chưa có bất kỳ một chính sách nào để hỗ trợ hệ thống khu bảo tồn biển. Bản quản lý các khu bảo tồn biển là đơn vị được giao để quản

lý các khu bảo tồn biển, nhưng từ trước đến nay chưa được quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng để thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Nghị định 26/2019/NĐ-CP, một số Ban quản lý khu bảo tồn biển đang phải đi thuê trụ sở làm việc, dẫn đến khó khăn trong việc triển khai các hoạt động quản lý, bảo tồn. Những bất cập nêu trên đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các hoạt động bảo tồn. Do đó, việc đầu tư cơ sở hạ tầng nhằm tăng cường năng lực quản lý cho Ban quản lý các khu bảo tồn biển thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao tại Nghị định 26/2019/NĐ-CP là hết sức cần thiết.

- Các địa phương chưa chủ động trong việc bố trí nguồn vốn thực hiện đầu tư các công trình thủy sản cũng như duy tu, bảo trì các công trình/hạng mục công trình được ngân sách nhà nước đầu tư.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Xây dựng các chính sách đầu tư đồng bộ, phát huy nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước cũng như huy động các nguồn lực tham gia đầu tư, phát triển lĩnh vực thủy sản theo mục tiêu, định hướng Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Đầu tư cơ sở hạ tầng để Ban quản lý khu bảo tồn biển để có đủ năng lực thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP.

c) Các giải pháp giải quyết vấn đề:

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các chính sách đầu tư đồng bộ đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực thủy sản (Khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản...) với các nguồn lực hợp pháp, phù hợp quy định (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, vốn huy động hợp pháp từ doanh nghiệp, tư nhân...).

Bổ sung nội dung “Đầu tư các hạng mục hạ tầng thiết yếu của khu bảo tồn biển” vào Nghị định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của chính sách.

- Tác động tích cực: Thực hiện đúng chủ trương của Đảng, Chính phủ, quan điểm, định hướng, góp phần thực hiện hoàn thành các mục tiêu phát triển lĩnh vực thủy sản theo Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Việc đầu tư hạ tầng thiết yếu sẽ giúp Ban quản lý các khu bảo tồn biển có đủ cơ sở vật chất, phương tiện để triển khai các hoạt động bảo tồn, đặc biệt là hoạt động tuần tra, kiểm soát nhằm ngăn chặn tình trạng khai thác thủy sản bất hợp pháp trong khu bảo tồn biển, từ đó góp phần bảo tồn, bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, các loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, phục vụ phát triển bền vững ngành kinh tế biển.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP) trong đó có chính sách đầu tư.

#### **4. Chính sách: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá**

a) Xác định vấn đề bất cập: Chủ tàu vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa trả nợ đúng hạn cho ngân hàng do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Chủ tàu vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa trả nợ đúng hạn cho ngân hàng do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Các ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ với số lần không hạn chế nhưng tổng thời gian các lần gia hạn nợ không vượt quá 1/3 thời gian cho vay ban đầu khi ký hợp đồng tín dụng.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Nhằm tạo điều kiện cho chủ tàu vay vốn tín dụng đóng mới, nâng cấp tàu cá theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP chưa trả nợ đúng hạn cho ngân hàng do nguyên nhân khách quan, bất khả kháng được ngân hàng thương mại xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ và tiếp tục được hưởng hỗ trợ lãi suất.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), trong đó quy định chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với các khoản cho vay đóng mới, nâng cấp tàu cá.

## 5. Chính sách: Cơ chế chuyển nhượng tàu cá

a) Xác định vấn đề bất cập: Chủ tàu cá đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP, không còn đủ năng lực để hoạt động khai thác hải sản, không trả được nợ vay đúng hạn cho ngân hàng thương mại.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Chuyển nhượng tàu cá đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trong trường hợp chủ tàu không còn đủ năng lực để hoạt động khai thác hải sản (chủ tàu kinh doanh thua lỗ kéo dài, không có biện pháp/khả năng khắc phục), không trả được nợ vay đúng hạn cho ngân hàng thương mại.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Ngân hàng thương mại chủ trì, phối hợp với chủ tàu cũ thỏa thuận lựa chọn tổ chức thẩm định giá tài sản để xác định giá tàu. Chi phí thuê tổ chức thẩm định giá tài sản được tính vào chi phí xử lý tài sản bảo đảm.

Chủ tàu mới phải có đủ năng lực tài chính (có vốn tự có tối thiểu 30% khi mua lại tàu từ chủ tàu cũ), năng lực khai thác thủy sản và được UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xác nhận. Chủ tàu mới mua lại tàu trên cơ sở kết quả xác định giá tàu của tổ chức thẩm định giá, thỏa thuận thống nhất giữa chủ tàu cũ, chủ tàu mới, ngân hàng thương mại. Chủ tàu mới được ngân hàng thương mại xem xét cho vay để thanh toán một phần chi phí mua tàu (nếu có nhu cầu) theo quy định hiện hành.

Chủ tàu mới tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản (hỗ trợ lãi suất, phí bảo hiểm và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định tại Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản). Mức lãi suất hỗ trợ tương đương với mức hỗ trợ theo Nghị định 67 (từ 4 - 6%/năm tùy theo loại tàu, công suất, chất liệu vỏ tàu). Thời gian được hưởng chính sách hỗ trợ của chủ tàu mới là thời gian được hưởng hỗ trợ còn lại của chủ tàu cũ tính từ thời điểm ký hợp đồng chuyển nhượng tàu. Chính sách hỗ trợ đối với việc chuyển nhượng tàu chỉ được áp dụng một lần đối với một tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.



- Tác động tích cực: Nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong việc chuyển nhượng tàu cá đóng mới, nâng cấp theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP trong trường hợp chủ tàu không còn đủ năng lực để hoạt động khai thác hải sản (chủ tàu kinh doanh thua lỗ kéo dài, không có biện pháp/khả năng khắc phục), không trả được nợ vay đúng hạn cho ngân hàng thương mại.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), trong đó quy định cơ chế chuyển nhượng tàu cá.

## **6. Chính sách: Chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Đến năm 2021 tổng số cơ sở nuôi biển là: 7447 cơ sở nuôi. Trong đó;

- Số cơ sở nuôi trồng Thủy sản trên biển từ bờ đến 3 hải lý: 6.506 cơ sở. Trong đó số cơ sở nuôi cá biển: 3.795, tôm hùm: 1.846, khác: 865.

- Số cơ sở nuôi trồng Thủy sản trên biển từ 3 đến 6 hải lý: 914 cơ sở nuôi cá biển.

- Số cơ sở nuôi trồng Thủy sản trên biển xa trên 6 hải lý: 27 cơ sở nuôi cá biển.

Để phát triển nuôi trồng thủy sản cần hỗ trợ một lần sau đầu tư đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển (bao gồm cá biển, nhuyễn thể, tôm hùm, rong tảo biển); cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển; cơ sở nuôi cá lồng bè nước ngọt. Hiện nay chi phí nuôi trồng thủy sản trên biển rất cao và gặp nhiều rủi ro hơn khi thời tiết bất lợi. Những vấn đề nêu trên hiện nay chưa được quy định, điều này làm hạn chế các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất nhằm phát triển nuôi trồng thủy sản đặc biệt đối với nuôi trồng thủy sản trên biển là phù hợp với tình hình thực tiễn.

Cả nước hiện có 51 cơ sở sản xuất giống cá biển. Sản lượng sản xuất thực tế đạt hơn 509 triệu con. Trong đó: Vùng ĐBSH có 22 cơ sở sản xuất giống, sản lượng sản xuất đạt 350 triệu con; vùng BTB & DHMT có 16 cơ sở sản xuất giống, sản lượng sản xuất đạt 70 triệu con; vùng ĐNB có 12 cơ sở sản xuất giống, sản lượng đạt 89 triệu con; vùng ĐBSCL có 1 cơ sở sản xuất giống tại Bến Tre.

Mặc dù đã làm chủ công nghệ sản xuất giống của nhiều loài cá biển nhưng chưa được chuyển giao rộng rãi cho các cơ sở sản xuất giống nên hiệu quả trong sản xuất giống chưa thực sự cao. Do công nghệ phức tạp, đầu tư tốn kém nhưng lợi nhuận thấp, rủi ro lớn nên sản xuất giống cá biển chưa thu hút được sự đầu tư của các doanh nghiệp hay ngư dân.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh, khó lường (sóng, gió, bão) tác động rất lớn đến hệ thống lồng bè nuôi trồng thủy sản trên biển hiện nay đa số sử dụng vật liệu truyền thống (sắt, gỗ, tre...) không chống chịu được khi thời tiết khắc nghiệt, gây thiệt hại về người và tài sản và có thể gây tác động xấu tới môi trường.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất để phát triển nuôi trồng thủy sản góp phần thực hiện có kết quả Chiến lược phát triển thủy sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Khuyến khích tổ chức, cá nhân xây dựng và sản xuất giống cá biển để phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển.

- Khuyến khích chuyển đổi vật liệu nuôi trồng truyền thống sang composite và HDPE nhằm sản xuất bền vững và bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sản xuất.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Kinh phí hỗ trợ một lần sau đầu tư được tổng hợp vào quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh hàng năm theo quy định của Luật ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn Luật ngân sách nhà nước và mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Xây dựng, hoàn thiện hệ thống các chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư đồng bộ đối với các đối tượng thuộc lĩnh vực thủy sản trên biển (Cá biển, nhuyễn thể, tôm hùm, rong biển...) với các nguồn lực hợp pháp, phù hợp quy định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Chính sách này phù hợp với Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; định hướng phát triển ngành nuôi trồng thủy sản quy định tại Chiến lược phát triển thủy sản Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo Quyết định số 339/QĐTTg ngày 11/3/2021. Quyết định 1664/QĐ-TTg ngày 04/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án phát triển NTTS trên biển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP) trong đó bổ sung chính sách hỗ trợ một lần sau đầu tư.

## **7. Chính sách: Bảo hiểm**

### a) Xác định vấn đề bất cập:

Kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro) còn những bất cập, chưa phù hợp với thực tế sản xuất.

Sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản trên biển có mức đầu tư tài chính lớn và có thể gặp rủi ro gây thiệt hại do thiên tai gây ra.

Người lao động trên tàu cá, sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản trên biển đối mặt với thiên tai, rủi ro thường trực cần được Bảo hiểm.

### b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Điều chỉnh việc hỗ trợ hàng năm kinh phí mua bảo hiểm thân tàu, trang thiết bị, ngư lưới cụ trên tàu (bảo hiểm mọi rủi ro).

Bổ sung hỗ trợ mua bảo hiểm đối với người lao động, tài sản của cơ sở sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản trên biển nhằm bù đắp thiệt hại do thiên tai để người dân yên tâm đầu tư sản xuất.

### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Xây dựng các mức kinh phí phù hợp hỗ trợ thuyền viên làm việc trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên là thành viên của tổ chức sản xuất trên biển do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập và lao động làm việc tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển; tài sản của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển (lồng bè, nhà nổi, phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển); thủy sản nuôi tại cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực:

Nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ cho Thuyền viên làm việc trên tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên; tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên là thành viên của tổ chức sản xuất trên biển do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập.

Nhằm tạo điều kiện, hỗ trợ cho Lao động làm việc tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển; tài sản của cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển (lồng bè, nhà nổi, phương tiện, thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển); thủy sản nuôi tại cơ sở nuôi trồng thủy sản trên biển.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), trong đó quy định chính sách bảo hiểm.

### **8. Chính sách: Hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn**

#### a) Xác định vấn đề bất cập:

Việc vận hành, sử dụng tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới đối với thuyền trưởng, máy trưởng, thuyền viên tàu cá còn những hạn chế.

Sản xuất giống và nuôi trồng thủy sản trên biển hiện nay được trang bị thiết bị, công nghệ hiện đại, có tính gắn kết chặt chẽ với thị trường tiêu thụ sản phẩm nói riêng và chuỗi cung ứng nói chung, bảo đảm trách nhiệm môi trường và xã hội. Người lao động làm việc tại cơ sở sản xuất giống cá biển và nuôi trồng thủy sản trên biển cần được trang bị hệ thống kiến thức, kỹ năng tối thiểu để hành nghề, tuy nhiên hiện nay đa số chưa được qua đào tạo, bồi dưỡng.

Hiện nay, các cán bộ làm việc tại Ban quản lý khu bảo tồn biển chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm. Một số cán bộ làm không đúng chuyên môn, thiếu các kỹ năng để triển khai các hoạt động bảo tồn, đặc biệt là kỹ năng lặn giám sát, quan trắc đa dạng sinh học hệ sinh thái san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều – cửa sông; kỹ thuật nuôi trồng san hô nhân tạo, các kiến thức và kỹ năng này có tính đặc thù chuyên môn cao. Trước năm 2012, dự án Hợp phần sinh kế bền vững bên trong và xung quanh các khu bảo tồn biển có tài trợ triển khai một số khóa tập huấn cho Ban quản lý khu bảo tồn biển. Tuy nhiên, từ năm 2013, khi dự án kết thúc, các lớp đào tạo, tập huấn trên không còn được triển khai, nhiều cán bộ mới thiếu kiến thức, kỹ năng để triển khai các hoạt động bảo tồn biển. Do đó, việc đầu tư hỗ trợ triển khai các khóa đào tạo ngắn hạn nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ tại Ban quản lý khu bảo tồn biển để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao là hết sức cần thiết.

#### b) Mục tiêu giải quyết vấn đề:

Xây dựng nội dung hỗ trợ đào tạo người lao động đang làm việc tại cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống cá biển, nuôi trồng thủy sản trên biển; người lao động thực hiện công việc lặn biển; giám sát, quan trắc đa dạng sinh học hệ sinh thái san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn, đầm phá, bãi triều - cửa sông; nuôi trồng san hô nhân tạo; thành viên tổ chức cộng đồng tham gia đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

#### c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Hỗ trợ 100% chi phí đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn cho các đối tượng quy định tại dự thảo theo quy định đào tạo hiện hành.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực:

Qua công tác đào tạo ngư dân được đào tạo đã biết vận hành, sửa chữa nhỏ tàu vỏ thép, tàu vỏ vật liệu mới; đảm bảo an toàn và hiệu quả khai thác hải sản trong mỗi chuyến biển; sản xuất được giống cá biển có chất lượng phục vụ nuôi trồng thủy sản trên biển; vận hành hệ thống nuôi, chăm sóc, quản lý đối tượng nuôi trồng thủy sản trên biển đạt kết quả tốt.

Việc hỗ trợ các khoá đào tạo, tập huấn giúp nâng cao năng lực cho thành viên tổ chức cộng đồng tham gia đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản có đủ kiến thức, kỹ năng để triển khai các hoạt động bảo tồn, góp phần bảo tồn, bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, các loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, phục vụ phát triển bền vững ngành kinh tế biển.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), trong đó quy định chính sách hỗ trợ đào tạo, nâng cao năng lực chuyên môn.

### **9. Chính sách: Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép**

a) Xác định vấn đề bất cập: Hiện nay công tác duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép cũng còn những hạn chế, bất cập. Một số tàu cá vỏ thép hoạt động trên 30 tháng đã đến chu kỳ kiểm tra trên đà, tuy nhiên các chủ tàu chưa thực hiện đưa tàu lên đà sửa chữa, duy tu theo quy định, dẫn đến nhiều tàu bị gỉ sét, xuống cấp, ảnh hưởng nghiêm trọng đến tuổi thọ, hoạt động của tàu.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề:

Hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép: Thời gian hỗ trợ duy tu, sửa chữa tàu cá vỏ thép đối với chủ tàu vay vốn đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản được thực hiện trong suốt thời gian vay vốn hỗ trợ lãi suất (tối đa 11 năm đối với trường hợp đóng mới tàu vỏ gỗ hoặc nâng cấp tàu; tối đa 16 năm đối với đóng mới tàu vỏ thép hoặc vỏ vật liệu mới).

Chủ tàu cá vỏ thép được đóng mới đã thực hiện duy tu, sửa chữa đúng quy định pháp luật về đăng kiểm tàu cá; có hợp đồng, thanh lý hợp đồng duy tu, sửa chữa tàu với cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá đủ điều kiện; đã được cơ sở đăng kiểm tàu cá kiểm tra, chứng nhận đảm bảo an toàn kỹ thuật tàu cá.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Việc hỗ trợ một lần chi phí duy tu, sửa chữa định kỳ đối với tàu cá vỏ thép nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chủ tàu có kinh phí để thực hiện duy tu, sửa chữa tàu theo định kỳ, góp phần đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động khai thác thủy sản.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP), trong đó quy định chính sách duy tu, sửa chữa tàu vỏ thép.

### **10. Chính sách: Hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Năm 2017, lần đầu tiên quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quy định tại hệ thống pháp luật Việt Nam, tạo cơ sở pháp lý quan trọng đối với việc nhà nước và người dân chia sẻ quyền hạn, trách nhiệm trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Tuy nhiên, đối tượng chịu tác động chủ yếu của chính sách thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản là những người ngư dân, người được hưởng lợi trực tiếp từ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thực hiện đồng quản lý với năng lực còn hạn chế khi thực hiện quyền và trách nhiệm giao. Do đó, việc hỗ trợ người dân, tổ chức cộng đồng trong thời gian đầu thực hiện chính sách đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản là rất cần thiết trong điều kiện hiện nay.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: hỗ trợ người dân thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản góp phần thúc đẩy phát triển thủy sản bền vững và có trách nhiệm. Nâng cao được ý thức của người dân trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, khai thác và nuôi trồng có trách nhiệm.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung nội dung quy định đối tượng, nội dung, mức hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động xấu tới các đối tượng chịu sự điều chỉnh của quy định.

- Tác động tích cực: Nguồn lợi thủy sản được duy trì, phát triển; Nhà nước chia sẻ quyền hạn và trách nhiệm quản lý nguồn lợi thủy sản với người dân; Tăng cường sự đoàn kết, đồng thuận trong cộng đồng cùng nhau chia sẻ quyền lợi từ hoạt động quản lý nguồn lợi thủy sản tại khu vực được giao quản lý; Nâng cao ý thức, năng lực cho cộng đồng tham gia quản lý nguồn lợi thủy sản góp phần bảo vệ và phát triển bền vững nguồn lợi; Góp phần thực hiện quy định về đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung quy định về hỗ trợ thực hiện đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản vào dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản và trình Chính phủ xem xét, ban hành

2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan:

Đến nay, đồng quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản được quy định tại Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, chưa có ở các văn bản quy phạm pháp luật khác.

### **11. Chính sách: Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ gia dân có hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản trong phạm vi khu bảo tồn biển**

a) Xác định vấn đề bất cập:

Khu thành lập khu bảo tồn biển, một số người dân sống trong phạm vi khu bảo tồn biển phải di chuyển ra khu vực khác hoặc phải chuyển đổi sinh kế khác. Do vậy, việc thành lập khu bảo tồn biển luôn gắn với việc phải chuyển đổi sinh kế cho dân. Tuy nhiên, từ trước đến nay chưa có bất kỳ chính sách nào để hỗ trợ cho việc chuyển đổi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng khi thành lập khu bảo tồn biển, do đó các hộ dân này vẫn tiếp tục hoạt động khai thác tài nguyên tại khu bảo tồn biển, dẫn đến làm cạn kiệt nguồn lợi, suy thoái các hệ sinh thái biển trong khu bảo tồn biển. Chính vì vậy, việc xây dựng chính sách nhằm hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho các hộ dân sống trong phạm vi khu bảo tồn biển là hết sức cần thiết nhằm giúp các hộ dân chuyển đổi sang nghề khác, giảm áp lực khai thác nguồn lợi lên các khu bảo tồn biển.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Hỗ trợ kinh phí để triển khai chuyển đổi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng khi thành lập khu bảo tồn biển, giúp cải thiện đời sống cho người dân, giảm áp lực khai thác tài nguyên lên khu bảo tồn biển.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ dân sống trong phạm vi khu bảo tồn biển, Vườn quốc gia có hợp phần biển vào Nghị định.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực
- Tác động tích cực: Việc hỗ trợ chuyển đổi sinh kế cho các hộ dân bị ảnh hưởng khi thành lập khu bảo tồn biển giúp cải thiện cuộc sống cho người dân, giảm áp lực khai thác nguồn lợi lên các khu bảo tồn biển, tạo sự đồng thuận của người dân trong hoạt động bảo tồn biển, giúp Ban quản lý khu bảo tồn biển triển khai hoạt động bảo tồn có hiệu quả, góp phần bảo tồn, bảo vệ tốt các hệ sinh thái biển, các loài thủy sản có giá trị kinh tế, khoa học, phục vụ phát triển bền vững ngành kinh tế biển.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn: Bổ sung chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề cho các hộ dân sống trong phạm vi khu bảo tồn biển, Vườn quốc gia có hợp phần biển vào dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản và trình Chính phủ xem xét, ban hành.

## **12. Quy định lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách**

a) Xác định vấn đề bất cập: Chưa có nội dung Quy định lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách của dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 dẫn đến thực tiễn triển khai không thống nhất.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: Cần thống nhất cách thực hiện các chính sách theo Quy định lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách của Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

c) Các giải pháp đề xuất để giải quyết vấn đề: Bổ sung Điều 14. Lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách trong Nghị định thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014.

d) Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan:

- Tác động tiêu cực: Không có tác động tiêu cực đến các đối tượng chịu sự tác động của quy định này.

- Tác động tích cực: Tạo khung khổ pháp lý cho quá trình thực hiện, bảo đảm bảo lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách thống nhất trong quá trình thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất trong toàn quốc.

đ) Kiến nghị giải pháp lựa chọn:

Bổ sung Điều 14. Lập dự toán, phân bổ dự toán, quản lý và quyết toán kinh phí ngân sách vào dự thảo Nghị định này để trình Chính phủ ban hành Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định số 67/2014/NĐ-CP).



### III. Ý KIẾN THAM VẤN

Trong quá trình dự thảo các chính sách, cơ quan chủ trì soạn thảo đã rà soát, cập nhật nội dung dự thảo báo cáo đánh giá tác động của chính sách; trong quá trình lấy ý kiến dự thảo chính sách đã gửi cùng các tài liệu có liên quan để tổ chức, cá nhân nghiên cứu, có ý kiến đề cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp thu, hoàn thiện.

### IV. GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chịu trách nhiệm tổ chức thi hành chính sách, giám sát đánh giá việc thực hiện chính sách trong phạm vi cả nước.

Trên đây là Báo cáo đánh giá tác động của chính sách trong dự thảo Nghị định về một số chính sách phát triển thủy sản (thay thế Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản)/.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Bộ trưởng Lê Minh Hoan (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để biết);
- Lưu: VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Phùng Đức Tiến**